

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2026/DS-PT  
Ngày: 29 - 01- 2026  
V/v Tranh chấp hợp vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lê Thành Trung

***Các Thẩm phán:*** Bà Ngô Thị Kim Châu

Ông Nguyễn Văn Dũng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả, tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:***  
Bà Trần Thị Bích- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 870/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 171/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 842/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1962;

Địa chỉ: số F, ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

***Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Ông Trần Thanh G, sinh năm: 1978; Địa chỉ: G, ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 23/5/2025).

- ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Số C, ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

***Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*** Bà Đỗ Thị P, sinh năm: 1978; Địa chỉ: F, khu phố A, phường A, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 15/4/2025).

- ***Người kháng cáo:*** Bà Nguyễn Thị M là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thanh G trình bày:*

Bà H và bà Nguyễn Thị M là chị em cô cậu nên khi bà M hỏi mượn tiền bà H để mở phòng mạch, bà H có cho bà M mượn nhiều lần cụ thể như sau:

Ngày 24/3/2019, bà H có cho bà M mượn số tiền là 150.000.000 đồng bà M có viết biên nhận mượn tiền, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 1%. Khi nào cần tiền báo trước cho bà M trước 1 tháng để bà M lo tiền trả bà H.

Ngày 11/01/2021, bà H có cho bà M mượn số tiền là 150.000.000 đồng bà M có viết biên nhận mượn tiền, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 1%. Khi nào cần tiền báo trước cho bà M trước 1 tháng để bà M lo tiền trả bà H.

Ngày 07/3/2021, bà H có cho bà M mượn số tiền là 30.000.000 đồng do tin tưởng nên không viết biên nhận, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 1%. Khi nào cần tiền báo trước cho bà M trước 1 tháng để bà M lo tiền trả bà H.

Ngày 01/01/2023 bà H có cho bà M mượn số tiền là 188.350.000 đồng do tin tưởng nên không viết biên nhận, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 1%. Khi nào cần tiền báo trước cho bà M trước 1 tháng để bà M lo tiền trả bà H.

Ngày 07/4/2023, bà H có cho bà M mượn số tiền là 30.000.000 đồng do tin tưởng nên không viết biên nhận, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 1%. Khi nào cần tiền báo trước cho bà M trước 1 tháng để bà M lo tiền trả bà H.

Khi vay bà M có giao một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 435, tờ bản đồ 6, diện tích 578,2m<sup>2</sup>, đất tại xã T cho bà H để bảo đảm cho việc trả nợ sau này. Tổng số tiền bà M còn nợ bà H là 548.350.000 đồng.

Nay, bà H yêu cầu bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả cho bà H số tiền là 548.350.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên cho đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định pháp luật là 0,83%/ tháng.

Ngày 12/9/2025 ông Trần Thanh G đại diện của bà Nguyễn Thị H rút yêu cầu khởi kiện khoản vay ngày 07/3/2021, số tiền là 30.000.000 đồng; Ngày 01/01/2023 số tiền là 188.350.000; Ngày 07/4/2023 số tiền là 30.000.000 đồng. Bà H yêu cầu bà M trả số tiền 150.000.000 đồng từ ngày 24/3/2019 và 150.000.000 đồng từ 10/01/2021. Tổng cộng bà H yêu cầu bà M trả số tiền 300.000.000 đồng và lãi từ ngày vay cho đến khi vụ án được xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 0,83%.

*Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đỗ Thị P trình bày:*

Bà M có nợ của bà H số tiền vay 150.000.000 triệu đồng vay vào ngày 24/3/2019. Vay không có thời hạn, lãi suất vay thỏa thuận là 1,2%/tháng. Sau khi vay bà M đóng lãi đủ hàng tháng cho bà H.

Thời gian đó do bà M đi học ở xa nên hàng tháng có nhờ người bạn là Trần Thủy T trả tiền lãi bằng tiền mặt hàng tháng cho bà H. Đến năm 2021, bà H nói với bà M đã làm thất lạc giấy nợ, bà H kêu bà M viết lại giấy nợ, vì tin tưởng bà

H, nên bà M đã viết lại giấy nợ ngày 11/01/2021 cho bà H. Thực chất bà M chỉ nợ bà H số tiền 150.000.000 đồng, bà M đã trả cho bà H như sau:

Lần 1: Vào ngày 20/1/2023 âm lịch là 22.800.000 đồng.

Lần 2: Ngày 08/02/2022, bà M trả được cho bà H 35.000.000 đồng.

Lần 3: Trong năm 2024, bà M đã trả được cho bà H 45.000.000 đồng. Hiện nay bà M còn nợ bà H số tiền 150.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 171/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long đã xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 357, 463, 466, 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ H.

Buộc bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền nợ vay 447.720.000đ (Bốn trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi ngàn đồng). Gồm vốn gốc 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và lãi 147.720.000đ (Một trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Đình chỉ yêu cầu giải quyết đối khoản vay ngày 07/3/2021, số tiền là 30.000.000; khoản vay ngày 01/01/2023 số tiền là 188.350.000; khoản vay ngày 07/4/2023, số tiền là 30.000.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H trả lại cho bà Nguyễn Thị M 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 1656465 vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 08803 ngày 24/3/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị M.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2025 bà Nguyễn Thị M kháng cáo chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền 150.000.000 đồng tiền vốn vay và tiền lãi từ tháng 02/2025 đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long về vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án theo Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là đúng quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị M còn trong hạn luật định, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xét xử phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền 150.000.000 đồng tiền vốn vay và tiền lãi từ tháng 02/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bà M khai chỉ có vay của bà H 150.000.000 đồng ngày 24/3/2019. Đến năm 2021, bà H nói với bà M đã làm thất lạc giấy nợ, bà H kêu bà M viết lại giấy nợ, vì tin tưởng bà H, nên bà M đã viết lại giấy nợ ngày 11/01/2021.

Bà H cho rằng bà M vay của bà 300.000.000 đồng. Bà M có cung cấp chứng cứ là tờ biên nhận vay nợ ngày 24/3/2019 số tiền 150.000.000 đồng và tờ biên nhận ngày 11/01/2021 số tiền 150.000.000 đồng.

Bà M cho rằng biên nhận ngày 11/01/2021 là viết lại của số tiền vay 150.000.000 đồng ngày 24/3/2019. Qua xem xét tờ biên nhận ngày 11/01/2021 ghi: *“Tôi tên Nguyễn Thị M SN 1984 Ngày 11.1.2021 tôi có mượn của chị Nguyễn Thị Mỹ H số tiền là 150.000.000 đồng”*.

Giấy mượn tiền ngày 24/3/2019 ghi: *“Tôi tên Nguyễn Thị M SN 26.07.1984 Tôi có mượn của chị Nguyễn Thị Mỹ H số tiền là một trăm năm mươi triệu đồng (tổng nợ)”*.

Giấy mượn tiền năm 2019 ghi tổng nợ 150.000.000 đồng, giấy mượn tiền năm 2021 ghi mượn 150.000.000 đồng. Như vậy giấy mượn tiền ngày 11/01/2021 không phải viết lại của giấy mượn tiền năm 2019.

Theo trích lục ghi âm ngày 15/4/2025 do bên bị đơn cung cấp bà M nói: *Em mượn chị có một trăm rưỡi, mà đâu tới hai lần một trăm rưỡi*. Bà H trả lời: *sao không hai lần, một tám mất 2019, đó đó thì cũng viết lại năm 2019 đó, có một tám đó, sao mà hai tám*. Đoạn ghi âm bà H xác định năm 2019 chỉ có một tờ biên nhận bà khởi kiện chứ không phải bà kiện 2 tờ biên nhận năm 2019.

Giấy nợ năm 2019 cuối dòng có ghi tổng nợ. Giấy mượn tiền ngày 11/01/2021 ghi mượn 150.000.000 đồng nên không thể nói rằng năm 2021 viết giấy lại của khoản nợ năm 2019.

Bà M là người có trình độ văn hóa, biên nhận do chính tay bà viết nhưng biên nhận viết lại không có nội dung ghi năm 2019 vay do mất biên nhận nên năm 2021 viết lại biên nhận. Từ đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M xin trả 150.000.000 đồng tiền vốn gốc.

[3] Theo giấy vay nợ không có ghi mức lãi suất và thời hạn vay. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự và điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để tính lãi vay của các các đương sự là đúng pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà P đại diện cho bà M cho rằng có trả vốn ba lần bằng 102.800.000 đồng và trả tiền lãi từ 4/2019- tháng 2/2024 mỗi tháng bằng 1.800.000 đồng. Từ tháng 5/2024 đến tháng 2/2025 trả 9 lần bằng 18.000.000 đồng. Bà H chỉ thừa nhận có nhận tiền lãi 12 lần bằng 21.600.000 đồng qua số tài khoản 7108205574202 tại Ngân hàng N1 do bà M chuyển khoản trả.

Số tiền 102.800.000 đồng bà P cho rằng: Lần 1 ngày 20/01/2023 bà M hốt hụi của bà N, không biết họ và tên, bằng 22.800.000 đồng trả cho bà H, bà H không thừa nhận có nhận 22.800.000 đồng. Chứng cứ bà P và chị M cung cấp là bản photo tính tiền hụi không có ai ký nhận. Lần 02 ngày 08/02/2022 bà M trả cho bà H 35.000.000 đồng bà P cung cấp đoạn ghi cuộc nói chuyện giữa bà M và bà H ngày 08/2/2022. Đoạn ghi âm trong đĩa CD bà M cung cấp tại đoạn 3 phút 04 giây bà M nói: *“Rồi trả chị ba mươi lăm triệu hôm trước tết mùng”* nên không có cơ sở xác định trả 35.000.000 đồng của khoản vay 150.000.000 đồng. Lần 3 trả 45.000.000 đồng trong năm 2024, chứng cứ là bản photo trong giấy ghi 45.000 đồng, bà H không thừa nhận có nhận 45.000.000 đồng của bà M trả. Bà M không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh đã trả cho bà H được 102.800.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm trừ tiền lãi bà H đã nhận 21.600.000 đồng buộc bà M trả số lãi còn thiếu là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M.

[4] Ý kiến của kiểm sát viên là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bà M không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M;
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 171/2025/DSST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long.

Tuyên xử:

Buộc bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền nợ vay 447.720.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng*). Trong đó vốn gốc 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và lãi 147.720.000 đồng (*Một trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng. Bà M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005113 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long nên miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Phòng THDS khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Trung**